

Số: 21/NQ-HĐND

Hòn Đất, ngày 5 tháng 9 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua nhiệm vụ quy hoạch chung thị trấn Hòn Đất
huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đến năm 2035**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 388/QĐ-TTg ngày 10/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng về Ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 02/6/2010 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Quy hoạch vùng tỉnh Kiên Giang đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 185/TTr-UBND ngày 09/8/2022 của UBND huyện Hòn Đất về việc thông qua nhiệm vụ quy hoạch chung thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh



Kiên Giang đến năm 2035; Báo cáo thẩm tra số 32/BC-HĐND ngày 22/8/2022 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân thông qua nhiệm vụ quy hoạch chung thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đến năm 2035. Với nội dung chủ yếu sau:

1. Vị trí, Quy mô, phạm vi và ranh giới

- Vị trí:

Thị trấn Hòn Đất là trung tâm của huyện Hòn Đất nằm dọc theo Quốc lộ 80, cách thành phố Rạch Giá 30 km về phía Tây Bắc, có vị trí như sau:

+ Phía Đông Bắc giáp : Xã Nam Thái Sơn.

+ Phía Đông giáp : Xã Sơn Kiên.

+ Phía Tây Bắc giáp : Xã Bình Sơn

+ Phía Nam giáp : Xã Thổ Sơn.

- Quy mô: toàn thị trấn với tổng diện tích tự nhiên của thị trấn là 3.295,54 ha.

- Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch: phạm vi, ranh giới lập Quy hoạch chung thị trấn Hòn Đất bao gồm 05 khu phố: Khu phố Sư Nam, Khu phố Đầu Doi, Khu phố Chòm Sao, Khu phố Đường Hòn và Khu phố Tri Tôn.

2. Tính chất đô thị

Thị trấn Hòn Đất là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa của huyện Hòn Đất có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

3. Một số chỉ tiêu cơ bản dự kiến về dân số, đất đai và hạ tầng kỹ thuật

- Quy mô dân số

+ Dự báo dân số toàn đô thị đến năm 2025: 25.000 - 31.338 người. Dân số khu vực nội thị đến năm 2025: 12.500 người.

+ Dự báo dân số toàn đô thị đến năm 2030: 31.338 - 50.000 người. Dân số khu vực nội thị đến năm 2030: 25.000 người.

+ Dự báo dân số toàn đô thị đến năm 2035: 50.000 - 59.926 người. Dân số khu vực nội thị đến năm 2035: 30.000 người.

- Đất đai phát triển đô thị và hạ tầng kỹ thuật:

Giai đoạn	Phân loại đất (ha)	Đất xây dựng đô thị	Đất dân dụng	Đất đơn vị ở	Đất công trình dịch vụ công cộng
	Đến năm 2025		625 - 750	200 - 240	70 - 84

Đến năm 2030	1.250 - 1.375	400 - 440	140 - 154	15 - 17
Đến năm 2035	1.500 - 1.625	480 - 520	168 - 182	18 - 20

4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản

Chỉ tiêu về sử dụng đất, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật tuân thủ QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy hoạch xây dựng.

5. Các yêu cầu nghiên cứu của đồ án quy hoạch

5.1. Yêu cầu về định hướng phát triển không gian đô thị, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, di sản, di tích

- Đề xuất mô hình và hướng phát triển đô thị.
- Xác định phạm vi, quy mô các khu chức năng của đô thị; khu hiện có hạn chế phát triển, khu chỉnh trang, cải tạo, khu cần bảo tồn, tôn tạo; các khu chuyên đổi chức năng; khu phát triển mới; khu cấm xây dựng, các khu dự trữ phát triển.
- Xác định chỉ tiêu về mật độ dân cư, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, định hướng và nguyên tắc phát triển đối với từng khu chức năng.
- Định hướng phát triển các khu vực dân cư nông thôn.
- Định hướng hệ thống trung tâm hành chính, trung tâm thương mại, dịch vụ, trung tâm công cộng, thể dục thể thao, công viên, cây xanh và không gian mở, trung tâm chuyên ngành cấp đô thị.
- Xác định các khu vực cần bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, các di sản, di tích.

5.2. Yêu cầu về định hướng phát triển công trình đầu mối và hạ tầng kỹ thuật

- Xác định mạng lưới giao thông đối ngoại, giao thông đô thị, vị trí và quy mô các công trình đầu mối giao thông; tổ chức hệ thống giao thông công cộng và hệ thống bến, bãi đỗ xe; Xác định chỉ giới đường đỏ các trục chính đô thị và hệ thống hào tuyền kỹ thuật.
- Xác định nhu cầu và nguồn cung cấp nước, năng lượng; tổng lượng nước thải, rác thải; vị trí, quy mô công trình đầu mối và mạng lưới truyền tải, phân phối chính của hệ thống cấp nước, năng lượng và chiếu sáng đô thị, thông tin liên lạc, thoát nước và công trình xử lý nước thải; vị trí, quy mô khu xử lý chất thải rắn, nghĩa trang và các công trình khác.
- Xác định lưu vực và phân lưu vực tiêu thoát nước chính; hướng thoát nước, vị trí, quy mô các công trình tiêu thoát nước; xác định cốt ây dựng cho đô thị và từng khu vực.
- Đề xuất các giải pháp chính đối với hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp điện, cấp nước...

5.3. Yêu cầu về định hướng phát triển hạ tầng xã hội

- Xác định các vùng kiến trúc, cảnh quan trong đô thị.



- Đề xuất tổ chức không gian các trục, các khu chức năng quan trọng (khu trung tâm, khu vực cửa ngõ, trục không gian chính, công trình điểm nhấn, cây xanh – mặt nước...).

- Xác định các khu vực cần bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, các di sản, di tích.

5.4. Đánh giá môi trường chiến lược

- Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình; điều kiện tự nhiên; chất thải rắn, nước thải, tiếng ồn; các vấn đề xã hội, văn hoá, cảnh quan thiên nhiên.

- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường; đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch.

- Đề ra các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đối với dân cư, cảnh quan thiên nhiên; không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch.

- Lập kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện lập thủ tục trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Hòn Đất khóa X, kỳ họp thứ tám thông qua ngày 29 tháng 8 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ký. *Dương*

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban chuyên môn cấp huyện;
- LĐVP HĐND và UBND huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Trang TTĐT tổng hợp huyện;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



he
Đỗ Văn Tân